TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H** **----------** Số: 01/2020/HNGĐ-ST Ngày 25/02/2020 *V/v Ly hôn giữa anh T và chị P*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------o0o--------**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thu Dung

2. Ông Đàm Viết Khai

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 277/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2019 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1982

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Đội xx, xã T, huyện T, Thành phố H

Hiện đang tạm trú tại: Số nhà xx, ngách xx, ngõ xx, phố Đ, quận H, Thành phố H

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Đội xx, xã T, huyện T, Thành phố H.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 22 tháng 3 năm 2013, anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, anh T và chị P sống hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Anh T đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với chị P từ tháng 8/2018. Anh T không còn tình cảm vợ chồng với chị P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 09/12/2014 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/10/2017. Nếu ly hôn, anh Nguyễn Đức T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến M và không yêu cầu chị Nguyễn Thị P phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, anh Nguyễn Đức T đang làm nhân viên kỹ thuật sửa chữa máy văn phòng tại Công ty T. Mức thu nhập trung bình 14.000.000 đồng/ 1 tháng.

Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đức T kết hôn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn ngày 22/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không tự hòa giải được nên chị P và anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 8/2018. Hiện tại, chị P không còn tình cảm với anh T và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đức T có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 09/12/2014 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/10/2017. Nếu ly hôn, chị P có nguyện vọng nuôi cả hai cháu Nguyễn Tiến M và Nguyễn Minh K.

Đồng thời, chị P đề nghị anh T phải có nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với hai cháu Nguyễn Tiến M và cháu Nguyễn Minh K cho chị với mức 2.000.000 đồng/ tháng/ 1 cháu.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, chị Nguyễn Thị P làm điều dưỡng tại Bệnh viện nội tiết trung ương. Mức thu nhập khoảng 14.000.000 đồng/ 1 tháng.

Xác minh tại chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H cung cấp: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Đức T đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại đội xx, xã T, huyện T, TP. H cùng chị Nguyễn Thị P. Do phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và không tự hòa giải được nên anh T đã nộp đơn xin ly hôn chị P trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện T. Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 09/12/2014 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/10/2017. Cháu M và cháu K đang ở cùng chị P. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Anh Nguyễn Đức T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị Nguyễn Thị P giữ nguyên quan điểm xin nuôi cả hai cháu Nguyễn Tiến M, cháu Nguyễn Minh K nhưng không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Các vấn đề khác chị P giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Sau khi nghiên hồ sơ vụ án và nghe phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị P; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 09/12/2014 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/10/2017 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp

phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Đức T đối với cháu Nguyễn Minh K và tạm hoãn nghĩa đóng góp phí tổn nuôi con chung của chị Nguyễn Thị P đối với cháu Nguyễn Tiến M cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác. Anh T và chị P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung vợ chồng, công nợ chung: Do anh T và chị P không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, anh Nguyễn Đức T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn và các vấn đề khác với Nguyễn Thị P, sinh năm 1983, đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại số đội xx, xã T, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P kết hôn vào ngày 22/3/2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Anh T và chị P kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên giữa anh T và chị P đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm

dứt quan hệ tình cảm từ tháng 8/2018 đến nay. Tòa án tiến hành hòa giải để anh T và chị P đoàn tụ nhưng không thành do anh T cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P căng thẳng từ lâu, cả hai đã chấm dứt quan hệ tình cảm và sống ly thân được hơn một năm, anh T và chị P không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và chị Phấn cũng nhất trí ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho anh T được ly hôn với chị P là đúng pháp luật.

3.2] Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến Minh, sinh ngày 09/12/2014 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/10/2017. Nếu ly hôn, anh Nguyễn Đức T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến M, chị P có nguyện vọng nuôi cả hai cháu Nguyễn Tiến M và Nguyễn Minh K.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh T và chị P là chính đáng, anh chị có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, anh chị có hai con chung, cháu M đã đủ 5 tuổi, cháu K còn nhỏ, chưa đủ ba tuổi nên giao cháu Nguyễn Minh K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Tiến M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho cháu M và cháu K, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Tại phiên tòa, cả chị P và anh T đều không đề nghị nhau phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Đức T đối với cháu Nguyễn Minh K, tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của chị Nguyễn Thị P đối với cháu Nguyễn Tiến M cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

3.4] Về tài sản vợ chồng: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.5] Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012106 ngày 12/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3.6] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 09/12/2014 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Tiến M đủ 18 hoặc khi có thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 25/10/2017 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Minh K đủ 18 hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Đức T đối với cháu Nguyễn Minh K, tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của chị Nguyễn Thị P đối với cháu Nguyễn Tiến M cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012106 ngày 12/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Trung Hòa